

Bản án số: 129/2024/HNGĐ-ST  
Ngày: 23-8-2024  
“V/v Ly hôn”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Hồng Dân.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Nguyễn Văn Hết.  
2. Ông Nguyễn Văn Hết.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Ngọc Mai - Thư ký Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre.

Ngày 23 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 79/2024/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2024 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 378/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 393/2024/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Chị **Phan Thị T**, sinh năm: 1977.

Địa chỉ: Ấp TP, xã PH, huyện M, tỉnh Bến Tre (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

*2. Bị đơn:* Anh **Trần Văn H**, sinh năm: 1976.

Địa chỉ: Ấp TP, xã PH, huyện M, tỉnh Bến Tre (Vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Phan Thị T trình bày:*

Chị và anh Trần Văn H tự quen biết, qua thời gian tìm hiểu và tự nguyện tiến tới hôn nhân, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PH, huyện M, tỉnh Bến Tre và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 10/12/1996. Sau khi thành hôn, anh chị sinh sống tại ấp TP, xã PH, huyện M, huyện M, tỉnh Bến Tre. Anh chị chung sống hạnh phúc đến tháng 01/2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm về cuộc sống, anh H thường xuyên uống rượu về kiếm chuyện chửi mắng, đánh đập chị, mâu thuẫn kéo dài làm cho cuộc sống hôn nhân của anh chị không hạnh phúc. Do không thể tiếp tục chung sống nên chị và anh H sống ly thân đến nay khoảng 06 năm. Trong thời gian ly thân, gia đình hai bên cũng nhiều lần tạo điều kiện để anh chị trao đổi, hòa giải nhằm mục

đích hàn gắn đoàn tụ nhưng không thành. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị xin ly hôn với anh H.

Về con chung: Chị và anh H có hai con chung tên Trần Vũ P, sinh ngày: 30/12/1996 và Trần Khánh Linh, sinh ngày: 28/02/2003. Hiện tại, các con đã thành niên và có khả năng tự lao động nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị và anh H không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

*Bị đơn anh Trần Văn H vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm và tại phiên tòa, anh H cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của anh về những nội dung có liên quan đến yêu cầu khởi kiện của chị T.*

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1] Chị Phan Thị T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre giải quyết ly hôn giữa chị và anh Trần Văn H có nơi cư trú tại ấp TP, xã PH, huyện M, tỉnh Bến Tre nên Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre thụ lý, giải quyết là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Nguyên đơn chị Phan Thị T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn anh Trần Văn H đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định nhưng vẫn vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa sơ thẩm nên Tòa án không tiến hành hòa giải được và xét xử vắng mặt đối với chị Phan Thị T, anh Trần Văn H theo quy định tại các điều 207, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị T và anh Trần Văn H tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PH, huyện M, tỉnh Bến Tre và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 10/12/1996 nên quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh H được xem là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Tuy nhiên, chị T cho rằng cuộc sống hôn nhân giữa chị và anh H không hạnh phúc do anh chị có sự khác biệt về quan điểm sống, anh H thường xuyên uống rượu về kiếm chuyện chửi mắng và đánh đập chị. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên chị và anh H sống ly thân đến nay khoảng 06 năm, không ai quan tâm gì đến ai, anh chị không thể hàn gắn đoàn tụ được. Quá trình Tòa án giải quyết, anh H không có văn bản gửi cho Tòa án để trình bày ý kiến về hôn nhân giữa anh và chị T, cũng như anh H không có mặt tại Tòa án để tham gia hòa giải nhằm mục đích hàn gắn đoàn tụ. Từ đó, cho thấy quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh H đã đến mức trầm trọng, không thể đoàn tụ để tiếp tục cuộc sống chung của vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T.

[2.2] Về con chung: Chị T và anh H có hai con chung là Trần Vũ P, sinh ngày: 30/12/1996 và Trần Khánh Linh, sinh ngày: 28/02/2003, hiện tại các con đã thành niên và có khả năng tự lao động. Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung. Anh H vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa sơ thẩm, cũng như không có văn bản gửi cho Tòa án để thể hiện ý kiến của anh về con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T trình bày chị và anh H không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; anh H vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa sơ thẩm, cũng không có văn bản gửi cho Tòa án để thể hiện ý kiến của anh về việc yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị T là người khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu án phí theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273, 278, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị T, cụ thể:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị T được ly hôn với anh Trần Văn H.
2. Về con chung: Chị Phan Thị T và anh Trần Văn H có hai con chung là Trần Vũ P, sinh ngày: 30/12/1996 và Trần Khánh Linh, sinh ngày: 28/02/2003. Hiện con chung đã thành niên, chị Phan Thị T và anh Trần Văn H không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.
3. Về tài sản chung: Chị Phan Thị T và anh Trần Văn H không có tài sản chung nên không xem xét.
4. Về nợ chung: Chị Phan Thị T và anh Trần Văn H không có nợ chung nên không xem xét.
5. Về án phí: Chị Phan Thị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003907 ngày 04 tháng 3 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Bến Tre. Chị Phan Thị T đã nộp đủ án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- UBND xã PH;
- VKSND huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**  
(Đã ký)

**Nguyễn Hồng Dân**